

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 26/6/2023

“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Đặng Cao M, sinh năm 1988,

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Đặng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh M qua tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 23/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện vợ chồng chị T, anh M đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn, chị T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Cao M. Chị T không yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Chị T và anh M có 02 con chung là Đặng Thị A, sinh ngày 30/8/2009 và Đặng Quốc K, sinh ngày 22/02/2013. Ly hôn, chị T yêu cầu anh M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung và chị T tự nguyện sẽ cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/con chung/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Đặng Cao M đến làm việc, nhưng anh M không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Anh M cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đặng Cao M, yêu cầu anh M nuôi con chung là các cháu Đặng Thị A, sinh ngày 30/8/2009 và Đặng Quốc K, sinh ngày 22/02/2013, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng/con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Đặng Cao M đã được triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T đối với anh Đặng Cao M.

+ Về con chung: Giao các cháu Đặng Thị A, sinh ngày 30/8/2009 và Đặng Quốc K, sinh ngày 22/02/2013 cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện; Bản sao căn cước công dân; Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú; Bản sao giấy khai sinh; Bản sao trích lục kết hôn; Bản sao chứng M nhân dân; Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác M tình trạng hôn nhân; Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị T yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với anh Đặng Cao M. Đơn khởi kiện của chị Đặng Thị T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đặng Cao M hiện cư trú tại thôn T, xã G, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Đặng Cao M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh M vắng mặt lần hai do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Đặng Thị T và anh Đặng Cao M có đăng ký kết hôn vào ngày 23/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P, tỉnh Gia Lai, anh M và chị T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh M và chị T chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh M và chị T phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020, anh M và chị T đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, anh M đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh M và chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh M có hai con chung là Đặng Thị A, sinh ngày 30/8/2009 và Đặng Quốc K, sinh ngày 22/02/2013. Chị T yêu cầu anh M nuôi cả hai con chung. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của chị T, thấy rằng các cháu A và K hiện đang do anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không có ý kiến gì về yêu cầu của chị T, do vậy việc giao các cháu A và K cho anh M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về cấp dưỡng: Nguyên đơn là chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/con chung/tháng. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị

đơn là anh M không có ý kiến gì về mức cấp dưỡng nuôi con mà chị T tự nguyện thực hiện. Anh M cũng không có yêu cầu gì về cấp dưỡng nuôi con. Xét trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của chị T về mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Đặng Cao M.

2. Về con chung:

Giao con chung là các cháu Đặng Thị A, sinh ngày 30/8/2009 và Đặng Quốc K, sinh ngày 22/02/2013 cho anh Đặng Cao M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về cấp dưỡng: Buộc chị Đặng Thị T cấp dưỡng nuôi con. Số tiền cấp dưỡng nuôi con là 500.000đ/con chung/tháng (Năm trăm ngàn đồng/con chung/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 26/6/2023 cho đến khi kết thúc

theo quy định của pháp luật về cấp dưỡng nuôi con. Anh Đặng Cao M được nhận số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Buộc chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng cộng chị T phải nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0004829 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Đặng Thị T còn phải đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2023). Anh Đặng Cao M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng